

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TƯỜNG XANH
CÔNG BÀN IDUNG NGK TH NH L P M I

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ Ý TƯỜNG XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN IDEA TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GRE - IC

2. Mã số thuế : 0109415080

3. Ngày thành lập : 12/11/2020

4. Địa chỉ :

Thôn Yên Lạc, Xã Cần Kiệm, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700(Chính)
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, lập kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường	7490
3.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
4.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
6.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
7.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
8.	Trồng lúa	0111
9.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
10.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
11.	Trồng cây mía	0114
12.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
13.	Trồng cây lấy sợi	0116
14.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Trồng cây hàng năm khác	0119
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

19.	Trồng cây điều	0123
20.	Trồng cây hồ tiêu	0124
21.	Trồng cây cao su	0125
22.	Trồng cây cà phê	0126
23.	Trồng cây chè	0127
24.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
25.	Trồng cây lâu năm khác	0129
26.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
27.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
28.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
29.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
30.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
31.	Chăn nuôi gia cầm	0146
32.	Chăn nuôi khác	0149
33.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
34.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
35.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
36.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
37.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
38.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
39.	Khai thác gỗ	0220
40.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
41.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
42.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
43.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
44.	Khai thác thủy sản biển	0311
45.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
46.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
48.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
49.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
50.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
51.	Tái chế phế liệu	3830
52.	Xây dựng nhà để ở	4101
53.	Xây dựng nhà không để ở	4102
54.	Xây dựng công trình điện	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

56.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
57.	Xây dựng công trình thủy	4291
58.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
59.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
60.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
61.	Phá dỡ	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
66.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
67.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
70.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác (trừ bán buôn vàng)	4662
71.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
72.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
73.	Bán buôn tổng hợp	4690
74.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
75.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
76.	Vận tải đường ống	4940
77.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics	5229
80.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

81.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (trừ đấu giá)	6820
82.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
83.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc Hoạt động đo đạc và bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
84.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
85.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
87.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
88.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
89.	Cho thuê xe có động cơ	7710
90.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển	7730
91.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
92.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
93.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
94.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
95.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
96.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
97.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học dùng trong xử lý môi trường, dinh dưỡng vi sinh dùng trong xử lý môi trường, vi sinh hoạt tính dùng trong xử lý môi trường	2011

6. V : 3.000.000.000 VNĐ

7. Da :

STT	Tên thành viên	N	G (VN)	T (%)	S CMND () ; M a Q a ; S	Ghi chú
1	NGUYỄN TRỌNG VŨ	Đội 8, Xã Tân Xã, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	017540268	
2	NGUYỄN QUANG MẠNH	Số 44B ngách 460/44 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	038076010334	

8.N :

* Ho và tên: NGUYỄN TRONG VŨ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/02/1986 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017540268

Ngày cấp: 22/02/2014 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 8, Xã Tân Xã, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đôi 8, Xã Tân Xã, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9.N : Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội